TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI _____ Bản án số: **144/**2021/HNGĐ-PT Ngày: 24/12/2021 *V/v: Ly hôn*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**

Các Thẩm phán: **Bà Bùi Thị Thu Hồng**

Ông Hoàng Chí Nguyện

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 24/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 92/2021/TLPT-HNGĐ ngày 21/7/2021 về việc "Ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 111/2021/HNGĐ-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q.O, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2021/QĐXX-PT ngày 15/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2021/QĐ-HPT ngày 02/12/2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh L.T.B, sinh năm 1969.

HKTT: C.L, N.H, C.M, Hà Nội.

*** Bị đơn:**

-Theo bản án sơ thẩm:

Chị N.T.L, sinh năm 1966.

HKTT: Xóm 10, thôn 3, xã P.C, Q.O, Hà Nội.

- Theo đơn kháng cáo:

Chị N.T.L, sinh năm 1964.

HKTT: Xóm 8, thôn 2, xã P.C, Q.O, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh L.T.B trình bày:***

Về hôn nhân: Anh L.T.B và chị N.T.L tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.H, huyện C.M, Hà Nội vào năm 1989. Sau khi kết hôn, thời gian

đầu vợ chồng sống Bthường. Đến năm 1992, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh B chơi bời và vi phạm pháp luật bị đưa đi chấp hành hình phạt tù 11 năm. Sau đó chị L ở thêm ít ngày tại nhà anh B thì chị L về quê ở Y.S từ đó đến nay, sống ly thân không còn quan tâm nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó anh B đề nghị tòa án nhân dân huyện Q.O giải quyết cho anh B được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh B và chị L có 2 con chung là cháu L.T.S, sinh ngày 19/3/1992 và cháu L.T.Ánh, sinh ngày 17/7/1994. Hiện nay 2 con đã trưởng thành nên anh B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh B tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định.

**** Bị đơn là chị N.T.L vắng mặt***. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ, hòa giải, triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn cố tình trốn tránh gây khó khăn cho Tòa án.

Tại Bản án số 111/2021/HNGĐ-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q.O, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh L.T.B. Anh L.T.B được ly hôn chị N.T.L.

2. Về con chung: Anh B và chị L có 2 con chung là chị L.T.S, sinh ngày 19/3/1992 và chị L.T.Ánh, sinh ngày 17/7/1994. Hiện nay 2 con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/6/2021, chị N.T.L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án thụ lý vụ án sai năm sinh, chỗ ở của chị, bìa hộ khẩu. Tài sản ruộng đất không chia cho chị. Tòa án không khách quan trong việc giải quyết vụ án, thiên vị cho ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị N.T.L vắng mặt không có lý do tại hai phiên tòa vào ngày 02/12/2021 và ngày 24/12/2021 mặc dù đã được tống đạt hợp lệ.

Anh L.T.B có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của chị L nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung: Anh L.T.B đã có đơn xin rút đơn khởi kiện và đã được Tòa án thông báo cho chị N.T.L nhưng chị L không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của anh B cũng như không rút đơn kháng cáo nên Tòa án đã mở phiên tòa để xét xử là đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết quyết định xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do nên được coi người kháng cáo từ bỏ kháng cáo. Tại phiên tòa, anh B vẫn tiếp tục giữ nguyên ý kiến về việc rút đơn khởi kiện nên đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm, hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của chị N.T.L trong thời hạn kháng cáo, đã nộp tạm ứng án phí nên là kháng cáo hợp lệ và được chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Trong quá trình làm việc tại cấp phúc thẩm, chị N.T.L có xuất trình thêm các tài liệu như đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu, căn cước công dân của chị và giấy khai sinh của năm con chung giữa chị và anh B. Bản thân chị cũng thừa nhận trong các giấy tờ trên có sự nhầm lẫn về năm sinh, địa chỉ nhưng vẫn là một người là chị và có chồng là anh L.T.B. Tòa án đã thông báo việc anh L.T.B có đơn rút đơn khởi kiện nhưng chị không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của anh Bvà chị cũng không rút đơn kháng cáo. Tòa án đã tiến hành tống đạt quyết định xét xử nhưng chị từ chối nhận và không ký vào biên bản giao nhận văn bản.

Ngày 24/12/2021, Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa nhưng chị N.T.L vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt, cũng như niêm yết hợp lệ. Như vậy, chị N.T.L đã từ bỏ việc kháng cáo nên hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Anh L.T.B vẫn tiếp tục giữ nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện. Xét việc rút đơn khởi kiện là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự nên hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị N.T.L chịu án phí phúc thẩm. Anh L.T.B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 296, Điều 299, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Hủy Bản án số 111/2021/HNGĐ-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q.O, Hà Nội và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về án phí: Chị N.T.L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 103 ngày 28/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.O, Hà Nội. Anh L.T.B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011364 ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.O, Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: *- VKSND Hà Nội;* *- TAND huyện Q.O;* *- Chi cục THADS huyện Q.O;* *- Đương sự;* *- Lưu: HS, VP.*	**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** ***Phan Quyết Thắng***